



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP.HCM
KHOA CHÍNH TRỊ - LUẬT

Môn học

LUẬT THƯƠNG MẠI

QUỐC TẾ

CHƯƠNG 7

PHÁP LUẬT VỀ CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI



PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

HIỆP ĐỊNH MARRAKESH (HIỆP ĐỊNH THÀNH LẬP WTO)

PHỤ LỤC 1

Phụ lục 1a:

Hiệp định đa biên về thương mại hàng hóa
(13 Hiệp định)

Phụ lục 1b:

Hiệp định chung về thương mại dịch vụ
(Hiệp định GATS)

Phụ lục 1c:

Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ
(Hiệp định TRIPs)

PHỤ LỤC 2
HIỆP ĐỊNH VỀ QUY TẮC VÀ THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG KHUÔN KHỔ WTO
(HIỆP ĐỊNH DSU)

PHỤ LỤC 3
HIỆP ĐỊNH VỀ CƠ CHẾ RÀ SOÁT CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI
(HIỆP ĐỊNH TPRM)

PHỤ LỤC 4 CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI NHIỀU BÊN

Phụ lục 4a: Hiệp định về Thương mại Máy bay Dân dụng

Phụ lục 4b: Hiệp định về Mua sắm Chính phủ (Hiệp định năm 2012 thay thế năm 1994)

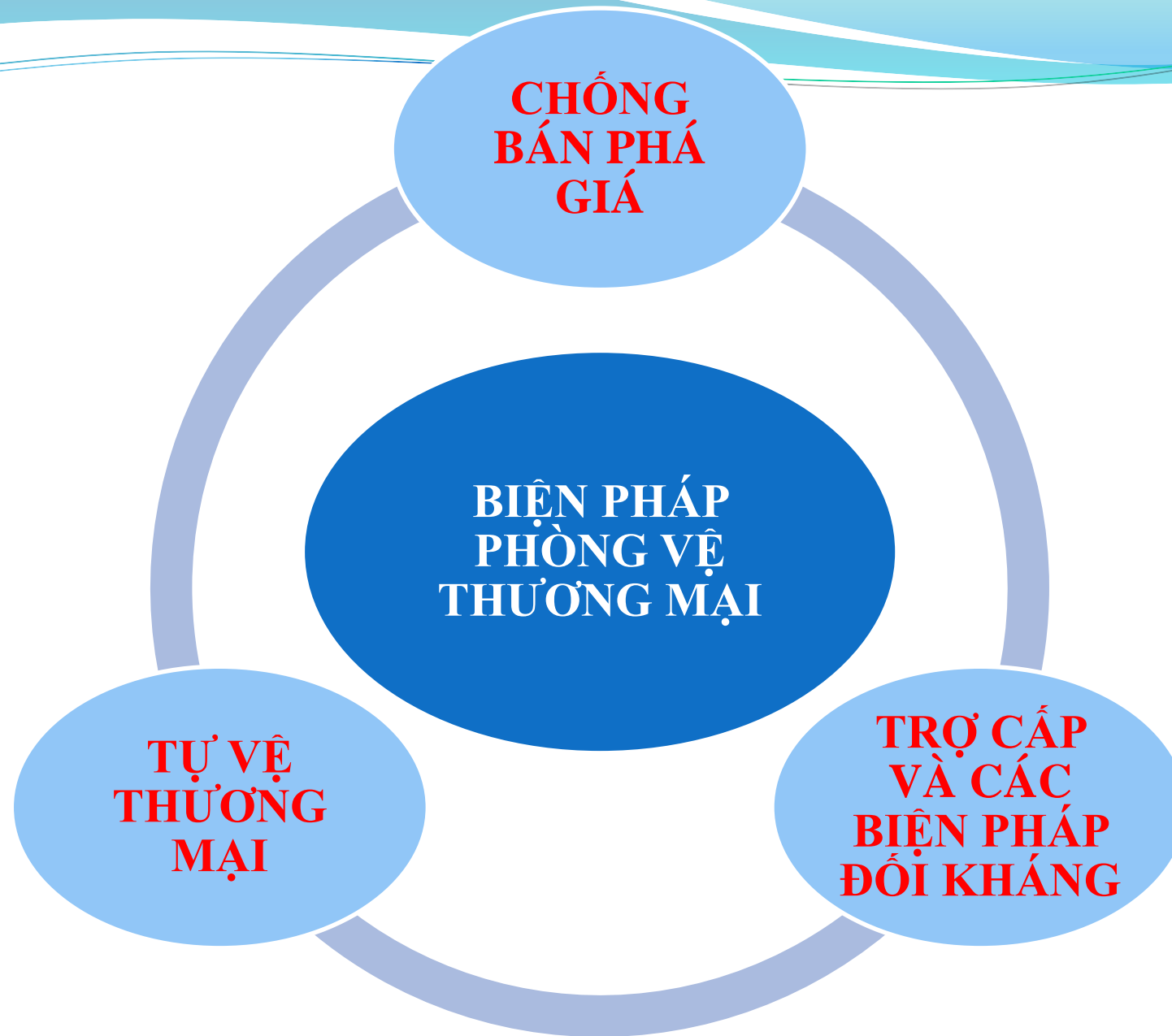
Phụ lục 4c: Hiệp định quốc tế về sữa (Chấm dứt năm 1997)

Phụ lục 4d: Hiệp định quốc tế về thịt bò (Chấm dứt năm 1997)

HIỆP ĐỊNH MARRAKESH (HIỆP ĐỊNH THÀNH LẬP WTO)

Phụ lục 1a: Hiệp định đa biên về thương mại hàng hóa

1. Hiệp định chung về thuế quan và thương mại 1994 (GATT 1994)
2. Hiệp định Nông nghiệp
3. Hiệp định về Áp dụng các Biện pháp Kiểm dịch Động thực vật (SPS)
4. Hiệp định về Hàng dệt may (*Hết hiệu lực từ ngày 01/01/2005*)
5. Hiệp định về các Hàng rào Kỹ thuật đối với Thương mại (TBT)
6. Hiệp định về các Biện pháp Đầu tư liên quan đến Thương mại (TRIMs)
7. Hiệp định về Chống bán phá giá (*Điều VI của GATT 1994*) (ADA)
8. Hiệp định về Xác định Trị giá tính thuế hải quan (*Điều VII của GATT 1994*)
9. Hiệp định về Giám định hàng hóa trước khi gửi hàng (PSI)
10. Hiệp định về Quy tắc Xuất xứ
11. Hiệp định về Thủ tục Cấp phép Nhập khẩu
12. Hiệp định về Trợ cấp và các Biện pháp đối kháng
13. Hiệp định về các Biện pháp tự vệ.



1. BIỆN PHÁP CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ

Hiệp định về chống bán phá giá – Đ.VI GATT 1994 (Agreement on Antidumping Practices - ADA)



1. BIỆN PHÁP CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ

- Thực thi Điều VI của Hiệp định chung về thuế quan và thương mại 1994 (GATT 1994)
- Là các biện pháp khắc phục thương mại.
- Bao gồm: 18 điều và 2 phụ lục (Thủ tục điều tra tại chỗ; Các thông tin tốt nhất có được)

MỤC ĐÍCH

- Cho phép các nước thành viên được quy định các biện pháp, thủ tục điều tra chống lại hành vi bán phá giá.
- Ngăn cản các thành viên lạm dụng biện pháp chống bán phá giá để tạt ra rào cản thương mại với các quốc gia thành viên của WTO .

NỘI DUNG

1. Định nghĩa sản phẩm bán phá giá
2. Căn cứ để xác định hành vi bán phá giá
3. Nguyên tắc điều tra bán phá giá
4. Cơ sở của việc áp thuế đối kháng đối với hàng hóa nhập khẩu bán phá giá

1. BIỆN PHÁP CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ

SẢN PHẨM BÁN PHÁ GIÁ

Một sản phẩm được coi là bán phá giá nếu **giá xuất khẩu (EP)** của sản phẩm được xuất khẩu từ nước này sang nước khác thấp hơn **giá trị thông thường (NV)** của sản phẩm tương tự được tiêu dùng tại nước đó theo những điều kiện thương mại thông thường.

(Khoản 1 Điều 2 Hiệp định ADA)



- Giá xuất khẩu (EP) < Giá trị thông thường (NV)
- Biên độ phá giá = [Giá trị thông thường (NV) - Giá xuất khẩu (EP)]
- Sản phẩm tương tự (Like Product)
- Điều kiện thương mại thông thường

Giá bán sản phẩm từ nước xuất khẩu sang nước nhập khẩu

GIÁ XUẤT KHẨU (EP)

Cách tính giá xuất khẩu (theo thứ tự ưu tiên)

- 1. Giá trong giao dịch mua bán giữa người xuất khẩu với nhà nhập khẩu.*
- 2. Giá bán sản phẩm nhập khẩu đó cho người mua độc lập đầu tiên tại nước nhập khẩu.*
- 3. Giá do cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu xác định*

Giá bán giá trị của một sản phẩm ở điều kiện thương mại thông thường

GIÁ THÔNG THƯỜNG (NV)

Cách tính giá xuất khẩu (theo thứ tự ưu tiên)

1. Giá bán của sản phẩm tương tự tại thị trường nước xuất khẩu.
 2. Giá bán của sản phẩm tương tự mà nhà xuất khẩu áp dụng tại một nước khác.
 3. Theo chi phí sản xuất, các chi phí khác và mức lợi nhuận thông thường của nhà xuất khẩu.
-

SẢN PHẨM TƯƠNG TỰ

Sản phẩm có tất cả các đặc tính giống với sản phẩm đang xem xét.

sản phẩm khác có nhiều đặc điểm gần giống với sản phẩm được xem xét

04 yếu tố để xem xét

- + Đặc tính vật lý của sản phẩm
- + Thị hiếu của người tiêu dùng
- + Mục đích tiêu dùng sản phẩm
- + Phân loại các biểu thuế quan

BIÊN ĐỘ PHÁ GIÁ (MARGIN OF DUMPING)

- + Khoảng chênh lệch giữa giá xuất khẩu (EP) với giá trị thông thường (NV) của sản phẩm.
- + Tính theo tỷ lệ % giá xuất khẩu.

$$\text{BĐPG} = (\text{NV} - \text{EP}) / \text{EP} \times 100\%$$

- + $\text{BĐPG} \geq 2\% \rightarrow$ coi là bán phá giá.
- + Trường hợp $(\text{NV} - \text{EP}) > 0 \rightarrow$ Chỉ coi là hiện tượng bán phá giá.

1. BIỆN PHÁP CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ

QUY TRÌNH VỤ VIỆC CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ

B1: Ngành sản xuất nội địa nước nhập khẩu nộp đơn kiện

B2: Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định: khởi xướng điều tra, hoặc từ chối đơn kiện, không điều tra

B3: Điều tra sơ bộ về việc bán phá giá và về thiệt hại

B4: Kết luận sơ bộ

B5: Tiếp tục điều tra về việc bán phá giá và về thiệt hại.

B6: Kết luận cuối cùng.

B7: Quyết định áp dụng biện pháp chống bán phá giá.

B8: Rà soát lại biện pháp chống bán phá giá.

B9: Rà soát hoàng hôn/Rà Soát cuối kỳ (05 năm kể từ ngày có quyết định áp thuế chống bán phá giá hoặc rà soát lại)

TƯ CÁCH NGUYÊN ĐƠN

- Cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu
- Ngành sản xuất sản phẩm tương tự của nước nhập khẩu

CÁC TRƯỜNG HỢP CHẤM DỨT ĐIỀU TRA BÁN PHÁ GIÁ

- Biên độ phá giá $< 2\%$
- Kim ngạch nhập khẩu hàng bán phá giá $< 3\%$ tổng lượng nhập khẩu sản phẩm tương tự (*chỉ áp dụng đối với nước xuất khẩu là nước đang phát triển*)
- Biên độ bán phá giá $> 2\%$ nhưng thiệt hại không đáng kể.

ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP TẠM THỜI

- Khi có kết luận sơ bộ của cơ quan điều tra để ngăn chặn tổn tại đang xảy ra.
- Các biện pháp:
 - *Áp thuế tạm thời (Áp thuế bổ sung) - **ÁP THUẾ CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ***
 - *Áp dụng hình thức đảm bảo (yêu cầu doanh nghiệp nộp một khoản tiền để đảm bảo cho việc điều tra)*
 - *Cho thông quan nhưng bảo lưu quyền đánh thuế và nêu rõ mức thuế nhập khẩu thông thường và mức thuế chống bán phá giá dự kiến áp dụng.*

1. BIỆN PHÁP CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ



Là khoản thuế được áp bổ sung lên sản phẩm bị coi là bán phá giá (bên cạnh thuế nhập khẩu)

Mục đích:

- Đẩy giá của sản phẩm đó ngang bằng “giá trị thông thường” nhằm chấm dứt sự cạnh tranh không lành mạnh
- Bù đắp thiệt hại cho ngành sản xuất tương tự của nước nhập khẩu

Điều kiện để áp thuế chống phá giá

- Có hành vi bán phá giá đã xảy ra.
- Gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại “đáng kể” đối với ngành sản xuất sản phẩm tương tự trong nước nhập khẩu.
- Có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và thiệt hại

1. BIỆN PHÁP CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ



Điều kiện để áp thuế chống phá giá

- Có hành vi bán phá giá đã xảy ra.
- Gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại “đáng kể” đối với ngành sản xuất sản phẩm tương tự trong nước nhập khẩu.
- Có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và thiệt hại

Cách xác định mức thuế

- Do cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu xác định
- Thuế AD được xác định cho từng nhà xuất khẩu 1 cách hợp lý (tùy theo mức độ bán phá giá)
- Áp thuế nhập khẩu bổ sung
- Mức thuế chống bán phá giá không được vượt quá biên độ bán phá giá.

Thời hạn áp dụng thuế AD: tối đa 5 năm kể từ khi được áp dụng

Thời gian tiến hành rà soát:

- Rà soát hàng năm: để tiến hành điều chỉnh mức bán phá giá cho phù hợp
- Rà soát cuối kỳ (rà soát hoàng hôn): kiểm tra xem có còn hiện tượng bán phá giá không?

2. TRỢ CẤP VÀ BIỆN PHÁP ĐỐI KHÁNG

Hiệp định về Trợ cấp và các biện pháp đối kháng (Agreement on Subsidies and Countervailing Measures-SCM)



**Agreement on Subsidies
and Countervailing Measures
(SCM) - Reality in Vietnam**

2. TRỢ CẤP VÀ CÁC BIỆN PHÁP ĐỐI KHÁNG

- Là các biện pháp khắc phục thương mại.
- Bao gồm: 11 phần, 32 điều và 07 phụ lục

MỤC ĐÍCH

- Đưa ra khuôn khổ cho việc áp dụng trợ cấp
- Điều chỉnh các hoạt động để đối kháng lại các tác động của trợ cấp.

TRỢ CẤP

Là một khoản tài chính của Chính phủ hay Cơ quan công quyền cấp cho tổ chức thương mại hoặc doanh nghiệp theo một trong các cách mang lại lợi nhuận:

- Chuyển kinh phí trực tiếp.
- Miễn giảm một khoản thu của nhà nước.
- Cung cấp miễn phí 1 dịch vụ hay hàng hóa thay vì cơ sở hạ tầng chung.

2. TRỢ CẤP VÀ CÁC BIỆN PHÁP ĐỐI KHÁNG

	BÁN PHÁ GIÁ	TRỢ CẤP
	Đều là hành vi bóp méo thương mại	
Chủ thể thực hiện	Doanh nghiệp xuất khẩu	Chính phủ của nước xuất khẩu
Hành vi diễn ra	Tại thị trường nước nhập khẩu	Ngay tại thị trường nước xuất khẩu

2. TRỢ CẤP VÀ CÁC BIỆN PHÁP ĐỐI KHÁNG

TRỢ CẤP BỊ CẤM

Trợ cấp đèn đỏ (Điều 3 SCM)
Trợ cấp có điều kiện

Người được trợ cấp phải đáp ứng được những mục tiêu xuất khẩu nhất định (trợ cấp xuất khẩu).
Phải dùng hàng nội địa thay cho hàng nhập khẩu (trợ cấp thay thế nhập khẩu)

TRỢ CẤP BỊ KIỆN

Trợ cấp đèn vàng (Điều 5 SCM)
Trợ cấp không bị cấm nhưng có thể bị kiện hoặc áp dụng biện pháp đối kháng, nếu các trợ cấp này gây tác động xấu cho lợi ích của thành viên khác khi:

- + Gây thiệt hại cho ngành kinh tế trong nước
- + Gây thiệt hại nghiêm trọng
- + làm vô hiệu hoặc suy yếu các lợi ích có được từ GATT 1994

2. TRỢ CẤP VÀ CÁC BIỆN PHÁP ĐỐI KHÁNG

CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ TRỢ CẤP

GIẢI QUYẾT THEO CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TẠI WTO

ÁP DỤNG BIỆN PHÁP ĐỐI KHÁNG

- + Áp đặt 1 khoản thuế bổ sung (bên cạnh thuế nhập khẩu) nhằm vào hàng hóa nhập khẩu nhằm làm cân bằng, đối kháng lại các khoản trợ cấp.
 - + Đ.19 Hiệp định SCM
 - + Do cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu quy định.
 - + Số tiền thuế đối kháng \leq mức trợ cấp.
 - + Phù hợp với từng trường hợp, không phân biệt đối xử giữa các sản phẩm nhập khẩu.
- Thời hạn áp dụng:** tối đa 05 năm kể từ ngày áp dụng
- + Rà soát hàng năm
 - + Rà soát hàng năm

3. TỰ VỆ THƯƠNG MẠI

Hiệp định về tự vệ thương mại– Đ.XIX GATT 1994 (Agreement on Safeguards- SA)



3. TỰ VỆ THƯƠNG MẠI

Khi một quốc gia bị thiệt hại bởi quá trình tự do hóa thương mại thì quốc gia đó có quyền được áp dụng các biện pháp tự vệ thương mại.

Mục đích

- Cho phép áp dụng các biện pháp tự vệ để bảo hộ tạm thời
- Đưa ra khuôn khổ về điều kiện và thủ tục áp dụng để tránh lạm dụng biện pháp tự vệ để bảo hộ sản xuất trong nước.

Nội dung chủ yếu của SA

- Thế nào là tự vệ? Khi nào quốc gia được phép áp dụng biện pháp tự vệ?
- Quy định các loại biện pháp tự vệ có thể được áp dụng
- Quy định về điều kiện, thủ tục, thời hạn áp dụng biện pháp tự vệ

Phạm vi điều chỉnh của SA

- Chỉ áp dụng đối với thương mại hàng hóa.
- Không áp dụng đối với thương mại dịch vụ, đầu tư và sở hữu trí tuệ

BIỆN PHÁP TỰ VỆ

Là khi số lượng hàng nhập khẩu tăng đột ngột, gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngành kinh tế trong nước, nước nhập khẩu được phép tạm thời hạn chế nhập khẩu mặt hàng đó bằng cách:

- Tăng thuế nhập khẩu cao hơn mức thuế quan ràng buộc.
- Hoặc áp dụng các biện pháp hạn chế số lượng, trên cơ sở tuân thủ nguyên tắc MFN.

3. TỰ VỆ THƯƠNG MẠI

ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG BIỆN PHÁP TỰ VỆ

- Số lượng hàng nhập khẩu gia tăng đột ngột
- Việc gia tăng hàng nhập khẩu đột ngột đã gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước.
- Có mối quan hệ nhân quả.

NGUYÊN TẮC CHUNG KHI ÁP DỤNG BIỆN PHÁP TỰ VỆ

- Áp dụng ở mức độ cần thiết.
- Việc áp dụng các biện pháp tự vệ phải tuân thủ nguyên tắc MFN (*ngoại lệ ưu đãi cho quốc gia đang phát triển*).

3. TỰ VỆ THƯƠNG MẠI

BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI KHI ÁP DỤNG BIỆN PHÁP TỰ VỆ

- Tự vệ thương mại không phải là công cụ “miễn phí”
- Biện pháp tự vệ là một công cụ “phải trả tiền”.
- “*Bồi thường*” được hiểu là sự nhượng bộ dưới dạng giảm thuế quan đối với 1 hoặc nhiều mặt hàng khác của thành viên bị tác động bất lợi vì biện pháp tự vệ thương mại.
- Khi không đạt được thỏa thuận về bồi thường thiệt hại, thì bên bị áp dụng biện pháp tự vệ thương mại có quyền:
 - ❑ Khởi kiện.
 - ❑ Hoặc áp dụng biện pháp “trả đũa”, bằng cách: đánh thuế cao hơn, áp hạn ngạch, hoặc cấm các mặt hàng nhập khẩu.
 - *Trả đũa song hành*
 - *Trả đũa chéo*

3. TỰ VỆ THƯƠNG MẠI

CÁC BIỆN PHÁP TỰ VỆ

- Tăng thuế nhập khẩu.
- Các biện pháp hạn chế số lượng hàng nhập khẩu.

THỜI HẠN ÁP DỤNG BIỆN PHÁP TỰ VỆ

- ❑ CSPL: Điều 7 Hiệp định SA
- ❑ Thời hạn tối đa 08 năm và 10 năm đối với các nước đang phát triển.
- ❑ Thời hạn rà soát tương tự ADA, SCM



**THE
END**